

Số: 544 /QĐ-YDHP

Hải Phòng, ngày 26 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

*Về việc ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học
đào tạo theo trình độ đại học hệ chính quy*

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25-01-1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ vào Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy;

Căn cứ Nội quy, quy định của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Theo đề nghị của ông Trưởng Phòng Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Điều 2. Quyết định này được áp dụng từ học kỳ II năm học 2019-2020 và thay thế cho các văn bản trước đây của Nhà trường về công tác đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên;

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học, các phòng ban chức năng, khoa/bộ môn có liên quan, các cố vấn học tập, cán bộ, giảng viên, sinh viên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH (để b/c);
- Như Điều 3 (để th/h);
- Lưu: HCTH, ĐTDH.



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS *Phạm Minh Khuê*

QUY CHẾ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA NGƯỜI HỌC ĐƯỢC ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 544/QĐ-YDHP ngày 26 tháng 5 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

I. CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ

Điều 1. Đánh giá về ý thức học tập (khung điểm đánh giá từ 0-20 điểm)

1.1. Có ý thức và thái độ học tập tốt: Đi học đầy đủ, đúng giờ, không mất trật tự trong giờ học, chuẩn bị bài đầy đủ: **8 điểm.**

Điểm trừ:

- Nghỉ học không lý do, bỏ tiết trừ 2 điểm/ 1 lần.
- Sử dụng điện thoại trong giờ học trừ 2 điểm/1 lần.
- Vào học muộn 10 phút trở lên trừ 1 điểm/ 1 lần.
- Mất trật tự, làm việc riêng, có thái độ không nghiêm túc trong giờ học trừ 1 điểm/1 lần.
- Không chuẩn bị bài đầy đủ trừ 1 điểm/ 1 lần.

Ghi chú: Các lớp sử dụng sổ theo dõi học tập để làm căn cứ chấm điểm ý thức và thái độ học tập của sinh viên.

1.2. Tham gia câu lạc bộ học thuật, các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khóa, hoạt động nghiên cứu khoa học: **2 điểm.**

Điểm cộng/trừ:

- Có tham gia có hiệu quả các hoạt động học thuật, hoạt động nghiên cứu khoa học, hội thảo, cemina do lớp/chi đoàn/liên chi tổ chức... cộng 1 điểm/lần.
- Sinh viên có tham gia đề tài nghiên cứu khoa học từ cấp Trường trở lên, có ý tưởng sáng tạo, bài báo khoa học, báo cáo khoa học: cộng 01 điểm/01 lần tham gia.
- Có quyết định tham gia hội nghị, hội thảo...: cộng 2 điểm/lần.

1.3. Có tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập: **2 điểm.**

- Điểm trung bình chung của học kỳ đang xét cao hơn điểm của học kỳ trước được tính 2 điểm, bằng học kỳ trước được tính 1 điểm, kém hơn nhận 0 điểm.

1.4. Kết quả học tập: **8 điểm**

* Theo thang điểm 4:

- Loại Xuất sắc: 3.60 - 4.00 (8 điểm).
- Loại Giỏi: 3.20 - 3.59 (6 điểm).
- Loại Khá: 2.50 - 3.19 (4 điểm).
- Loại Trung bình: 2.00 - 2.49 (3 điểm).
- Loại Yếu: dưới 1.99 (0 điểm).

Điều 2. Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định của nhà trường (khung điểm đánh giá từ 0-25 điểm)

2.1. Có ý thức và thái độ tham gia các kỳ thi, cuộc thi, kiểm tra nghiêm túc, đúng quy chế: **8 điểm.**

- Chấp hành đầy đủ nội quy, quy chế, quy định của nhà trường được 8 điểm.

- Vi phạm quy chế thi và kiểm tra mức khiển trách: Trừ 10 điểm.

- Vi phạm quy chế thi mức cảnh cáo trở lên: Trừ 25 điểm.

2.2. Có ý thức bảo vệ tài sản nhà trường, giữ gìn vệ sinh, để xe đúng nơi quy định:

5 điểm

- Thiếu ý thức bảo vệ tài sản nhà trường, vứt rác không đúng nơi quy định, để xe không đúng nơi quy định... trừ 2 điểm/1 lần vi phạm.

- Trường hợp sinh viên cố ý làm hỏng tài sản nhà trường trừ 25 điểm ở điều 2.

2.3. Thực hiện nếp sống văn hoá, nội quy, quy định trong trường và ở nơi tạm trú:

2 điểm

- Mỗi lần vi phạm trừ 2 điểm.

2.4. Thực hiện quy chế quản lý sinh viên nội, ngoại trú: **5 điểm**

- Vi phạm nội quy, quy chế sinh viên nội, ngoại trú trừ 2 điểm/1 lần (ngoài ra tùy hình thức sẽ xét kỷ luật theo quy định của Ban quản lý Ký túc xá).

- Không đăng ký hoặc khai báo thay đổi địa chỉ ngoại trú hoặc bị xử phạt hành chính theo Luật cư trú của Công an các phường: trừ 5 điểm/lần vi phạm.

***Ghi chú:** Trường hợp HSSV không nộp sổ theo dõi nội ngoại trú hoặc không có nhận xét ở nội trú, ngoại trú trừ toàn bộ 25 điểm ở điều 2. Sinh viên không nộp hồ sơ HSSV theo quy định trừ toàn bộ 25 điểm ở điều 2.*

2.5. Nộp học phí, kinh phí đào tạo và các loại phí theo quy định đầy đủ, đúng thời hạn: **5 điểm**

- Nộp đúng hạn học phí, kinh phí đào tạo, bảo hiểm y tế và các loại phí khác theo quy định của nhà trường: 5 điểm.

- Nộp muộn các loại phí, trừ 5 điểm/tuần muộn cho đến hết 25 điểm ở điều 2.

- Trường hợp không nộp các loại phí nói trên sẽ xử lý theo Quy chế kỷ luật học sinh sinh viên.

Điều 3. Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội (khung điểm đánh giá từ 0-20 điểm)

3.1. Ý thức và tính hiệu quả khi tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, học tập, văn hóa, văn nghệ, thể thao: **12 điểm**

- Hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao, tham gia đủ các đợt sinh hoạt chính trị - xã hội, hoạt động học tập, văn hóa, văn nghệ, thể thao, các cuộc thi do Trường, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên tổ chức: 6 điểm.

- Tham gia đầy đủ hoạt động của lớp/chi đoàn/liên chi tổ chức: 6 điểm.

- Vắng mặt 1 buổi sinh hoạt tập thể không lý do: Trừ 1 điểm/lần (nếu vắng quá 4 buổi/năm học nộp biên bản lên Phòng Đào tạo Đại học trình Hội đồng xem xét kỷ luật).

- Cá nhân có trách nhiệm được phân công dự giao ban sinh viên hàng tuần nếu vắng mặt không lý do trừ 6 điểm/1 lần (vắng 2 lần sẽ trình Hội đồng xét kỷ luật).

3.2. Ý thức tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội: **5 điểm.**

- Không tham gia hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội: 0 điểm.

- Có tham gia các hoạt động nêu trên (có minh chứng):

Từ 5 ngày tình nguyện (Theo quy đổi): 5 điểm

Đạt 4 ngày tình nguyện (Theo quy đổi): 4 điểm

Đạt 3 ngày tình nguyện (Theo quy đổi): 3 điểm

Đạt 2 ngày tình nguyện (Theo quy đổi): 2 điểm

Đạt 1 ngày tình nguyện (Theo quy đổi): 1 điểm

(quy đổi ngày tình nguyện thực hiện theo hướng dẫn của Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên).

3.3. Tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội: **3 điểm**

- Có tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội: 3 điểm.

- Vi phạm các quy định về phòng, chống tội phạm, ma túy và các tệ nạn xã hội:

Trừ 20 điểm ở điều 3.

Điều 4. Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng (khung điểm đánh giá từ 0-25 điểm)

4.1. Chấp hành tốt và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng: **10 điểm.**

- Vi phạm an toàn giao thông: trừ 25 điểm điều 4.

- Vi phạm an ninh trật tự hoặc phá hoại tài sản công cộng: trừ 25 điểm ở điều 4.

- Tuyên truyền hoặc tham gia tuyên truyền tôn giáo trái phép: trừ 25 điểm ở điều 4.

Ghi chú: Những cá nhân vi phạm vượt quá thẩm quyền xử lý của nhà trường sẽ bị xử lý theo pháp luật.

4.2. Tham gia các hoạt động xã hội có thành tích được ghi nhận, biểu dương, khen thưởng: **5 điểm.**

Tham gia các hoạt động vì cộng đồng: đền ơn đáp nghĩa; giúp đỡ trẻ em cơ nhỡ, mồ côi; dừng cầm cứu người, bảo vệ tài sản của nhân dân; quyên góp ủng hộ (Có xác nhận của Nhà trường, địa phương), là thành viên chính thức của các Câu lạc bộ Tình nguyện (có xác nhận của Hội sinh viên): **2 điểm.**

4.3. Có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ người thân, người có khó khăn, hoạn nạn, bệnh nhân cấp cứu ... (có minh chứng): **5 điểm.**

4.5. Không gây mất đoàn kết: **3 điểm.**

Điều 5. Đánh giá về ý thức và kết quả khi tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức hoặc đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện (khung điểm đánh giá từ 0 - 10 điểm)

5.1. Có ý thức, uy tín và hiệu quả công việc cao khi được phân công nhiệm vụ quản lý lớp, các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức khác (CLB, đội, nhóm): **3 điểm.**

5.2. Có kỹ năng tổ chức, quản lý lớp, quản lý các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức khác (CLB, đội, nhóm): **3 điểm.**

Ghi chú: Chỉ thành viên Ban cán sự lớp; Cán bộ Đoàn - Hội cấp trường, cấp liên chi, chi đoàn; Ban chủ nhiệm các Câu lạc bộ, đội nhóm trực thuộc Hội sinh viên; thành viên các đội tuyển tham gia thi chuyên môn, phong trào cấp trường trở lên được cộng điểm ở mục 5.1 và 5.2.

5.3. Hỗ trợ và tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp, tập thể, khoa và nhà trường: **2 điểm.**

5.4. Đạt được các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện được khen thưởng từ cấp trường trở lên: **2 điểm.**

II. PHÂN LOẠI KẾT QUẢ VÀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ ĐIỂM RÈN LUYỆN

Điều 6. Phân loại kết quả rèn luyện

1. Kết quả rèn luyện được phân thành các loại: xuất sắc, tốt, khá, trung bình, yếu và kém.

2. Phân loại kết quả rèn luyện:

- a) Từ 90 đến 100 điểm: loại xuất sắc;
- b) Từ 80 đến dưới 90 điểm: loại tốt;
- c) Từ 65 đến dưới 80 điểm: loại khá;
- d) Từ 50 đến dưới 65 điểm: loại trung bình;
- đ) Từ 35 đến dưới 50 điểm: loại yếu;
- e) Dưới 35 điểm: loại kém.

(Yêu cầu bắt buộc để xếp loại rèn luyện từ loại Khá trở lên khi điểm số ở các điều 1 đến điều 4 đều đạt từ 50% trở lên).

Điều 7. Phân loại trong một số trường hợp đặc biệt

1. Trong thời gian người học bị kỷ luật mức khiển trách, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại khá trong năm học đó.

2. Trong thời gian người học bị kỷ luật mức cảnh cáo, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại trung bình trong năm học đó.

3. Người học bị kỷ luật mức đình chỉ học tập không được đánh giá rèn luyện trong thời gian bị đình chỉ.

4. Người học bị kỷ luật mức buộc thôi học không được đánh giá kết quả rèn luyện.

5. Người học hoàn thành chương trình học và tốt nghiệp chậm so với quy định của khóa học thì tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện trong thời gian đang hoàn thành bổ sung chương trình học và tốt nghiệp, tùy thuộc vào nguyên nhân để quy định mức đánh giá rèn luyện tại kỳ bổ sung.

6. Người học khuyết tật, tàn tật, mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc cha hoặc mẹ, hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn có xác nhận của địa phương theo quy định đối với những hoạt động rèn luyện không có khả năng tham gia hoặc đáp ứng yêu cầu chung thì được ưu tiên, động viên, khuyến khích, cộng điểm khi đánh giá kết quả rèn luyện qua sự nỗ lực và tiến bộ của người học tùy thuộc vào đối tượng và hoàn cảnh cụ thể.

7. Người học nghỉ học tạm thời được bảo lưu kết quả rèn luyện sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện khi tiếp tục trở lại học tập theo quy định.

8. Người học chuyển trường được sự đồng ý của Hiệu trưởng hai cơ sở giáo dục đại học thì được bảo lưu kết quả rèn luyện của cơ sở giáo dục đại học cũ khi học tại cơ sở giáo dục đại học mới và tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện ở các học kỳ tiếp theo.

Điều 8. Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện

1. Người học căn cứ vào kết quả rèn luyện của bản thân, tự đánh giá theo mức điểm chi tiết do nhà trường quy định.

2. Tổ chức họp lớp có cố vấn học tập tham dự (bắt buộc), tiến hành xem xét và thông qua mức điểm tự đánh giá của từng người học trên cơ sở các minh chứng xác nhận kết quả và phải được quá nửa ý kiến đồng ý của tập thể lớp và phải có biên bản kèm theo.

Ghi chú: Điểm trừ hoặc cộng tối đa ở mỗi điều không vượt quá số điểm tối đa nhận được ở điều đó.

Cố vấn học tập xác nhận kết quả họp lớp và chuyển kết quả lên Phòng Đào tạo Đại học/Đoàn Thanh niên rà soát kiểm tra.

3. Phòng Đào tạo Đại học kết hợp với Đoàn Thanh niên/Hội sinh viên rà soát thống nhất và trình kết quả lên Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của người học cấp trường (sau đây gọi tắt là Hội đồng cấp trường).

4. Hội đồng cấp trường họp xét, thống nhất trình Hiệu trưởng ban hành quyết định công nhận kết quả.

5. Kết quả đánh giá, phân loại rèn luyện của người học được công bố công khai và thông báo cho người học biết trước 14 ngày (qua website của nhà trường) trước khi ban hành quyết định chính thức.

* Các căn cứ xét điểm rèn luyện được các đơn vị/cá nhân liên quan cung cấp trước khi xét điểm rèn luyện bao gồm:

- Phòng Đào tạo Đại học:

Điểm trung bình chung học tập từng học kỳ.

Cung cấp thông tin khen thưởng, kỷ luật của sinh viên và có trách nhiệm tập hợp thông tin từ các đơn vị liên quan.

- Trung tâm khảo thí và quản lý chất lượng giáo dục: Thông tin sinh viên vi phạm quy chế học tập và thi cử.

- Phòng Tài chính Kế toán: Thông tin đóng học phí và các khoản thu khác của sinh viên.

- Phòng Quản lý Khoa học: Thông tin về các đề tài nghiên cứu khoa học cấp sinh viên.

- Đoàn thanh niên, Hội sinh viên: Thông tin về việc đóng Đoàn phí, Hội phí theo quy định, thông tin hoạt động xã hội của sinh viên.

- Các Khoa/Bộ môn trong trường và các giảng viên có trách nhiệm ghi chép đầy đủ các thông tin liên quan đến sinh viên trong thời gian theo học tại Khoa/Bộ môn trong sổ đầu bài hoặc gửi minh chứng lên Phòng Đào tạo Đại học.

III. TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

Điều 9. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện

Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp trường giúp Hiệu trưởng xem xét, công nhận kết quả rèn luyện của từng sinh viên và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng.

a) Thành phần Hội đồng cấp trường gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền.

- Thường trực Hội đồng: Lãnh đạo Phòng Đào tạo Đại học.

- Các uỷ viên: Đại diện Lãnh đạo các phòng ban có liên quan, đại diện Đoàn thanh niên và Hội sinh viên cấp trường, chuyên viên Phòng Đào tạo Đại học.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng cấp trường: Căn cứ vào các quy định hiện hành tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng sinh viên, đề nghị Hiệu trưởng ban hành quyết định công nhận.

Điều 10. Thời gian đánh giá kết quả rèn luyện

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của người học được tiến hành định kỳ theo học kỳ, năm học:

- Trong vòng 2-4 tuần sau khi kết thúc học kỳ I (sau ngày 31/1)

- Trong vòng 2-4 tuần sau khi kết thúc học kỳ II (sau ngày 30/8)

2. Điểm rèn luyện của học kỳ là tổng điểm đạt được của 5 nội dung đánh giá chi tiết (từ điều 1 đến điều 5 của quy định này).

3. Điểm rèn luyện của năm học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của năm học đó.

Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi nhà trường xem xét cho học tiếp thì thời gian nghỉ học không được tính điểm rèn luyện.

4. Điểm rèn luyện toàn khóa học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của cả khóa học.

IV. SỬ DỤNG KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

1. Kết quả đánh giá rèn luyện từng học kỳ, năm học của người học được lưu trong hồ sơ quản lý người học, được sử dụng trong việc xét duyệt học bổng, xét khen thưởng - kỷ luật, xét thôi học, ngừng học và các ưu tiên khác tùy theo quy định của trường.

2. Kết quả đánh giá rèn luyện toàn khóa học của người học được lưu trong hồ sơ quản lý người học của nhà trường, làm căn cứ để xét thi tốt nghiệp, làm luận văn hoặc khóa luận tốt nghiệp.

3. Kết quả đánh giá rèn luyện toàn khóa học được ghi chung vào bảng điểm kết quả học tập và lưu trong hồ sơ của người học khi tốt nghiệp ra trường.

4. Người học có kết quả rèn luyện xuất sắc được nhà trường xem xét biểu dương, khen thưởng.

5. Người học bị xếp loại rèn luyện yếu, kém trong hai học kỳ liên tiếp thì phải tạm ngừng học ít nhất một học kỳ ở học kỳ tiếp theo và nếu bị xếp loại rèn luyện yếu, kém hai học kỳ liên tiếp lần thứ hai thì sẽ bị buộc thôi học.

V. QUYỀN KHIẾU NẠI

Sinh viên có quyền khiếu nại về việc đánh giá kết quả rèn luyện của Trường đối với cá nhân bằng cách gửi đơn đến Hội đồng cấp trường thông qua Phòng Đào tạo Đại học trong vòng 14 ngày kể từ ngày nhà trường công bố trên website: hpmu.edu.vn (qua ngày nói trên cá nhân sinh viên phải tự chịu trách nhiệm).

Khi nhận được đơn khiếu nại, Hội đồng cấp trường có trách nhiệm giải quyết, trả lời cho cá nhân theo quy định hiện hành.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các cố vấn học tập cùng ban cán sự lớp, BCH chi đoàn tìm hiểu kỹ các nội dung trong quy chế này để tiến hành đánh giá điểm rèn luyện đúng đối với từng sinh viên.

Cố vấn học tập có trách nhiệm ghi điểm do Hội đồng cấp trường đánh giá vào Sổ theo dõi học tập và rèn luyện của HSSV từng học kỳ, từng năm học.

Các cán bộ quản lý các Khoa/Bộ môn trực thuộc trường quán triệt tới các cố vấn học tập là nhân viên mình phụ trách nghiên cứu và thực hiện đúng các quy định trong quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, Phòng Đào tạo Đại học có trách nhiệm tổng hợp những vướng mắc phát sinh và trình Hiệu trưởng xem xét, sửa đổi cho phù hợp.

HIỆU TRƯỞNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS *Phạm Minh Khuê*

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

Học kỳ..... năm học

Họ tên sinh viên:.....

Lớp:.....

Mã số sinh viên:Ngày đánh giá:.....

Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm cộng/ trừ	SV tự đánh giá	Lớp đánh giá
Điều 1. Đánh giá về ý thức tham gia học tập	20 điểm			
1.1. Có ý thức và thái độ học tập tốt: Đi học đầy đủ, đúng giờ, không mất trật tự trong giờ học, chuẩn bị làm bài tập đầy đủ	8 điểm			
1.2. Tham gia câu lạc bộ học thuật, các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khóa, hoạt động nghiên cứu khoa học đầy đủ	2 điểm			
1.3. Có tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập	2 điểm			
1.4. Kết quả học tập: * Thang điểm 4: Loại yếu, kém (dưới 1,99) Loại trung bình (2 – 2,49) Loại khá (2,5 – 3,19) Loại giỏi (3,2 – 3,59) Loại xuất sắc (3,6 – 4)	0 điểm 3 điểm 4 điểm 6 điểm 8 điểm			
Điểm cộng điều 1: Tham gia các buổi cemina, hội thảo; thành viên đề tài cấp trường cộng 1 điểm/lần; tham gia báo cáo... cộng 2 điểm/lần				
Điểm trừ điều 1: Nghi học không lý do, bỏ tiết, sử dụng điện thoại trong giờ học trừ 2 điểm/lần; Vào học muộn, mất trật tự, không chuẩn bị bài... trừ 1 điểm/lần.				
Điều 2. Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong trường	25 điểm			
2.1. Chấp hành đầy đủ nội quy, quy chế, quy định của nhà trường	8 điểm			
2.2. Có ý thức bảo vệ tài sản nhà trường, giữ gìn vệ sinh môi trường, quy định gửi xe.	5 điểm			
2.3. Thực hiện tốt nếp sống văn hóa, nội quy, quy định trong trường và ngoài chỗ ở.	2 điểm			
2.4. Thực hiện quy chế sinh viên nội trú/ngoại trú	5 điểm			

2.5. Đóng học phí, kinh phí và lệ phí theo quy định đầy đủ đúng thời hạn.	5 điểm			
Điểm trừ điều 2: Vi phạm quy chế thi mức cảnh cáo, cố ý làm hỏng tài sản nhà trường: trừ 25 điểm; Vi phạm quy chế thi mức khiển trách: trừ 10 điểm/lần. Nộp chậm các loại phí; vi phạm Luật cư trú...: trừ 5 điểm. Vi phạm các nội quy, quy định khác của nhà trường: trừ 2 điểm/lần				
Điều 3. Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội	20 điểm			
3.1. Ý thức và hiệu quả tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, học tập, văn hóa, văn nghệ, thể thao.	12 điểm			
3.2. Ý thức tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội (theo quy đổi)	5 điểm			
3.3. Tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội.	3 điểm			
Điểm trừ điều 3: Vi phạm các quy định về phòng, chống ma túy, các tệ nạn xã hội: trừ 20 điểm. Cán bộ lớp vắng mặt giao ban không lý do: trừ 6 điểm/lần. Sinh viên vắng sinh hoạt tập thể: trừ 1 điểm/lần.				
Điều 4. Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng	25 điểm			
4.1. Chấp hành tốt và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng.	10 điểm			
4.2. Tham gia các hoạt động xã hội có thành tích được ghi nhận, biểu dương, khen thưởng.	5 điểm			
4.3. Có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ người thân, người có khó khăn, hoạn nạn. Là thành viên chính thức các câu lạc bộ tình nguyện...	5 điểm 2 điểm			
4.4. Không gây mất đoàn kết.	3 điểm			
Điểm trừ điều 4: Vi phạm an toàn giao thông, an ninh trật tự, tham gia tuyên truyền trái phép...: trừ 25 điểm/lần.				
Điều 5. Đánh giá về ý thức và kết quả khi tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức hoặc đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện	10 điểm			
5.1. Có ý thức, uy tín và hiệu quả công việc cao khi được phân công nhiệm vụ quản lý lớp, các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức khác (CLB, đội, nhóm);	3 điểm			

5.2. Có kỹ năng tổ chức, quản lý lớp, quản lý các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức khác (CLB, đội, nhóm);	3 điểm			
5.3. Hỗ trợ và tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp, tập thể, khoa và nhà trường.	2 điểm			
5.4. Đạt được các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện được khen thưởng từ cấp trường trở lên.	2 điểm			
Tổng điểm:	100 điểm			
Xếp loại				

Sinh viên

Cán bộ lớp

GV Chủ nhiệm
(Cố vấn học tập)

